

20 năm hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ trong những vấn đề nhân đạo và quyền con người

TS. NGUYỄN ANH CƯỜNG*

Kết quả ấn tượng nhất trong quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong 20 năm qua đó là những con số phát triển kinh tế, nhưng kết quả đó vẫn còn khá khiêm tốn so với mong đợi của cả hai nước¹. Vì sao lại như thế? Những vấn đề được trình bày dưới đây như tìm kiếm người Hoa Kỳ mất tích, chất độc màu da cam và tôn giáo – nhân quyền có thể lý giải phần nào cho câu hỏi đó.

Từ khóa: *Tìm kiếm người mất tích trong chiến tranh, POW/MIA, chất độc màu da cam, tôn giáo, nhân quyền.*

1. Tìm kiếm người mất tích trong chiến tranh – POW/MIA

Thuật ngữ POW/MIA có nghĩa là Tù binh chiến tranh/Mất tích trong chiến tranh mà người Hoa Kỳ đã đưa ra sau khi kết thúc cuộc chiến tranh tiến hành ở Việt Nam. Sau cuộc chiến này, Hoa Kỳ vẫn còn nhức nhối bởi hàng nghìn người Hoa Kỳ vẫn chưa được tìm thấy. Đó là điều mà cho tới nay, trong bối cảnh đã bình thường hóa, Việt Nam và Hoa Kỳ vẫn đang tích cực hợp tác với nhau trong tìm kiếm những hài cốt còn lại của người Hoa Kỳ. Việc làm này là sự tiếp tục thể hiện quan điểm nhân đạo của

Việt Nam. Đây cũng là điểm quan trọng nhất đối với Hoa Kỳ khi họ quyết định bình thường hóa với Việt Nam năm 1995, và vẫn còn là vấn đề nhạy cảm trong quan hệ hai nước hiện nay.

Sau khi bình thường hoá quan hệ ngoại giao (12/7/1995), việc tìm kiếm người Hoa Kỳ mất tích vẫn được người Hoa Kỳ quan tâm và nhận được sự hỗ trợ to lớn của nhân dân các địa phương ở Việt Nam. Quốc hội Hoa Kỳ đặt điều kiện cho mỗi quan hệ giữa hai nước là Việt Nam phải tích cực hợp tác với Hoa Kỳ để giải quyết vấn đề người Hoa Kỳ mất tích (MIA).

Việt Nam đã hợp tác chặt chẽ cùng với Hoa Kỳ trong việc giải quyết vấn đề nhân đạo MIA. Đáp lại, Hoa Kỳ cũng đã trao cho Việt Nam gần 400.000 trang tài liệu có liên quan đến việc tìm kiếm các quân nhân Việt Nam- Hoa Kỳ bị mất tích trong chiến tranh. Trong chuyến viếng

*Trường Đại học KHXH&NV – Đại học Quốc gia Hà Nội

¹ Năm 1995 thương mại hai nước đạt 451,3 triệu USD, đến năm 2014 lên đến 36,308 tỷ USD có nghĩa là gấp hơn 80 lần sau 20 năm bình thường hóa quan hệ. <http://www.census.gov/foreign-trade/balance/c5520.html>.

thăm của Tổng thống B.Clinton đến Việt Nam vào tháng 11/2000, phía Hoa Kỳ cũng đã trao thêm một số đĩa vi tính chứa 360.000 trang tài liệu và thông báo sẽ cung cấp thêm 1.000.000 trang tài liệu nữa vào trước cuối năm 2000 nhằm có thể giúp ích phần nào cho việc tìm kiếm tin tức những người Việt Nam bị mất tích trong chiến tranh. Thực tế, những trang tài liệu của Hoa Kỳ cũng đã giúp Việt Nam tìm kiếm, quy tập được hơn 900 hài cốt liệt sĩ Việt Nam².

Để từng bước xây dựng lòng tin và sự tôn trọng lẫn nhau, Việt Nam cho phép các nhà phân tích Hoa Kỳ tiếp cận nhiều tài liệu và hồ sơ lưu trữ liên quan đến POW/MIA. Đổi lại, Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ cũng cho phép các quan chức Việt Nam tiếp cận hồ sơ và bản đồ của Hoa Kỳ giúp tìm kiếm quân nhân Việt Nam mất tích. Các nỗ lực hợp tác ngày càng gia tăng đã giúp hiểu rõ số phận của hàng trăm trong số hơn hai nghìn người Hoa Kỳ mất tích ở Đông Dương.

Để mở rộng và tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác giữa hai nước, đặc biệt trong vấn đề MIA, từ ngày 9 đến 12/11/2003, Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam, Phạm Văn Trà, nhận lời mời thăm Hoa Kỳ. Đây là vị lãnh đạo Nhà nước Việt Nam đầu tiên tới Hoa Kỳ. Bộ trưởng Phạm Văn Trà đã tiến hành hội đàm với các quan chức cấp cao Hoa Kỳ như Bộ trưởng Quốc phòng Rumsfeld, Ngoại trưởng Powell. Sau này, ông Phạm Văn Trà nhớ lại: “Họ đặt cho tôi một câu hỏi: “Chúng tôi muốn biết có phải Việt Nam vẫn còn giữ người Hoa Kỳ còn sống, tù binh Hoa Kỳ còn sống không?”, thậm chí họ nói có thông tin cho rằng chúng ta vẫn giam giữ lính Hoa Kỳ trong lãng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tôi thẳng thắn trả lời Việt Nam không bao giờ giấu giếm như vậy. Hoàn toàn không còn người Hoa Kỳ là tù binh sống ở Việt Nam. Nếu các ngài biết thông tin ở đâu, đích thân tôi sẵn sàng đưa các ngài đến nơi để xác minh. Tôi nghĩ đây

là điều họ lẩn tránh nhất khi đó, họ nghi ngờ, song phía Việt Nam cũng thẳng thắn, xác thực điều này để người Hoa Kỳ hiểu Việt Nam. Trong chuyến thăm, tôi cũng đặt vấn đề tìm kiếm hài cốt quân nhân Hoa Kỳ mất tích trong chiến tranh (MIA) và coi đó là vấn đề nhân đạo, hậu chiến tranh. Việt Nam sẵn sàng cùng Hoa Kỳ tìm kiếm hài cốt lính Hoa Kỳ mất tích trong chiến tranh. Đó cũng chính là một trong những kết quả quan trọng nhất trong chuyến thăm của tôi đến Hoa Kỳ”³.

Việt Nam đã làm hết sức mình hợp tác với Hoa Kỳ trong tìm kiếm người Hoa Kỳ mất tích. Việt Nam đã cho đội quân tìm kiếm vào Lãng Chủ tịch Hồ Chí Minh khi có tin đồn nói rằng, tù binh Hoa Kỳ còn bị giam giữ trong tầng hầm của Lãng. Việt Nam cũng cho đội tìm kiếm của Hoa Kỳ vào các khu nghĩa địa để kiểm tra những hài cốt nghi là của lính Hoa Kỳ. Việt Nam cũng mở cửa các văn phòng lưu trữ và đã chuyển cho phía Hoa Kỳ 28.000 bộ hồ sơ. Việt Nam cũng cho nhân viên tìm kiếm người Hoa Kỳ bay tới các làng hẻo lánh để xác minh mọi tin tức về POW/MIA. Chính thượng nghị sĩ Hoa Kỳ John McCain đã phải thừa nhận “quân đội Việt Nam đã cho phía Hoa Kỳ làm những việc mà quân đội Hoa Kỳ sẽ không bao giờ cho phép nước khác được làm” như đã cho phép người Hoa Kỳ vào các nhà tù và vào tận các bộ chỉ huy của họ”⁴.

Trong chuyến thăm Việt Nam hồi tháng 6/2006 của Bộ trưởng Quốc phòng Donald Rumsfeld, hai nước đã thảo luận việc mở rộng sự hợp tác trong việc tìm kiếm hài cốt, trong đó có khả năng sử dụng công nghệ hiện đại hơn để xác định vị trí, tìm kiếm và xác nhận các bộ hài cốt ở dưới nước. Từ sáng kiến này tháng 7 năm 2009, tàu hải quân Hoa Kỳ Heezen đã cùng

³Báo điện tử Vietnamnet, <http://www.vietnamnet.vn> “Đại tướng Phạm Văn Trà và chuyến thăm Mỹ lịch sử”.

⁴Thông tấn xã Việt Nam (1998), *Vấn đề MIA với chính sách của Mỹ ở Việt Nam*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 3 tháng 1, tr. 1-3.

²Hoàng Anh (2005): “Những bức thư biết nói”, Tạp chí Việt - Mỹ xuân Ất Dậu. tr 9

tham gia với Bộ chỉ huy hỗn hợp tìm kiếm tù binh và quân nhân mất tích của Hoa Kỳ (JPAC) vào việc tìm kiếm các phi công Hoa Kỳ đã bị bắn rơi ngoài khơi bờ biển Việt Nam. Những nỗ lực này lại tiếp tục gặt hái thành công trong đợt hoạt động hỗn hợp 98 hồi tháng 3 năm 2010, với kết quả thu được và hồi hương 7 bộ hài cốt được cho là của người Hoa Kỳ, một con số lớn nhất đối với một lần hồi hương trong những năm gần đây⁵.

Cho đến năm 2013, hai bên đã điều tra 4.241 lượt vụ (gồm 42 lượt vụ ngoài biển), khai quật hỗn hợp 685 lượt vụ (gồm 8 vụ ngoài biển), 53 đợt điều tra đơn phương (với 818 lượt vụ), 6 đợt khai quật đơn phương với 8 vụ tại các khu vực hạn chế, 61 đợt hợp tác điều tra 3 bên với Lào, Campuchia, suu tầm hoặc nghiên cứu 27.035 thông tin liên quan đến MIA... đã có 945 bộ hài cốt được trao trả cho Hoa Kỳ và phía Hoa Kỳ đã được giúp đỡ nhận dạng 700 trường hợp⁶.

Tuy nhiên cũng cần phải thấy rằng trong quan hệ hợp tác về POW/MIA Hoa Kỳ vẫn khá trịch thượng khi tháng 5/2008, Hạ viện Hoa Kỳ đã thông qua Luật H.Res. 986 (hồ sơ số 366), tuyên bố rằng Hạ viện “sẽ không quên” và “sẽ tiếp tục thúc ép đòi phải có sự thống kê đầy đủ về” những quân nhân và nhân viên dân sự Hoa Kỳ vẫn bị mất tích từ cuộc xung đột Việt Nam⁷.

Trong vấn đề POW/MIA, phía Việt Nam luôn coi đây là vấn đề nhân đạo và sẵn sàng hợp tác tìm kiếm với Hoa Kỳ, còn Hoa Kỳ lại coi đó là vấn đề chính trị và là yêu cầu quan trọng nhất trong quá trình đi tới bình thường hóa và phát triển quan hệ với Việt Nam. Nhận thức này là rào cản thứ nhất cho quan hệ giữa hai nước.

2. Trách nhiệm pháp lý trong xử lý hậu quả chất độc màu da cam

Đối với vấn đề chất độc màu da cam, động thái đầu tiên bày tỏ sự quan tâm về vấn đề nhân đạo đối với người Việt Nam là tuyên bố ngày 6/1/1991 của Tổng thống Hoa Kỳ George H. W. Bush: “Hôm nay tôi vui mừng ký ban hành Luật H.R.556 ‘Luật chất độc màu da cam năm 1991’ Đạo luật này dựa trên những kết quả khoa học nhằm giải quyết những phức tạp liên quan tới các cựu chiến binh bị phơi nhiễm bởi thuốc diệt cỏ - như chất độc màu da cam chẳng hạn - được sử dụng trong kỷ nguyên Việt Nam”⁸.

Tuy nhiên, Đạo luật chất độc màu da cam mà Tổng thống Bush ban hành vào năm 1991 chỉ hỗ trợ cho những cựu chiến binh Hoa Kỳ bị nhiễm độc, không mở rộng cho những cựu chiến binh và dân thường Việt Nam.

Đối với Tổng thống Bill Clinton, chất độc màu da cam không đơn thuần là vấn đề nhân đạo mà còn là hậu quả của cuộc chiến và trách nhiệm của Hoa Kỳ. Sau khi đọc bản phúc trình năm 1996 của các nhà khoa học Hoa Kỳ về tác hại của chất độc màu da cam, ngày 28/5/1996, tại Nhà Trắng, Tổng thống Clinton đã tuyên bố với công chúng Hoa Kỳ: “Hôm nay là một ngày trọng đại đối với Hoa Kỳ, ngày mà chúng ta bắt đầu những bước chân xa hơn để giảm bớt nỗi đau mà đất nước ta đã vô tình tạo ra cho chính những người con của mình khi để họ tiếp xúc với chất độc màu da cam”.

“Trong hai thập niên qua, các cựu chiến binh từng tham chiến tại Việt Nam đã nói đến những thương tổn khi họ tiếp xúc với chất độc da cam, thứ đã làm họ chết dần chết mòn rất lâu trước khi họ rời chiến trường. Thậm chí còn gây tổn hại đến con cái của họ”.

⁵ Từ năm 1991 đến nay, JPAC đã tổ chức 113 lễ hồi hương hài cốt quân nhân Hoa Kỳ ở Việt Nam.

⁶ <http://www.vov.vn/xa-hoi/ky-niem-25-nam-vietmy-cung-tim-kiem-nguoi-my-mat-tich-mia-282431.vov>

⁷ Mark E. Manyin (2008): *U.S. - Vietnam Relation: Background and Issues for Congress*, Prepared for Members and Committees of Congress. P 23

⁸ *Statement on Signing the Agent Orange Act of 1991*, 6/2/1991, Đưa trên trang web bởi Dự án Tổng thống Hoa Kỳ, <http://www.presidency.ucsb.edu/index.php>.

“Trong nhiều năm, Chính phủ đã không nghe họ nói. Với những bước đi được thực hiện vào năm 1993, và ngày hôm nay, chúng ta đang chứng tỏ rằng nước Hoa Kỳ có thể lắng nghe và hành động. Tôi tuyên bố các cựu chiến binh phục vụ tại chiến trường Việt Nam hiện đang mang trong người những chứng bệnh như ung thư tiền liệt tuyến, rối loạn thần kinh, thần kinh ngoại cảm... sẽ nhận sự trợ cấp thích đáng.”

“... Ngay từ đầu, Chính phủ đã suy nghĩ rất nhiều để tìm câu trả lời về ảnh hưởng của chất độc màu da cam và các chất khai quang khác trong cuộc chiến Việt Nam. Khi nhận được những câu trả lời xác thực cho việc này, Chính phủ sẽ có những biện pháp tích cực hơn để làm giảm bớt nỗi đau của những quân nhân Hoa Kỳ, những người đã hy sinh quá nhiều cho đất nước mình”⁹.

Cho đến khi kết thúc nhiệm kỳ, chính quyền của Tổng thống Clinton, Hoa Kỳ tỏ rõ sẵn sàng thảo luận về vấn đề chất độc màu da cam. Tháng 3 năm 2000, trong chuyến thăm Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ William Cohen cam kết Hoa Kỳ phối hợp chặt chẽ hơn nữa với Việt Nam trong giải quyết chất độc màu da cam. Tám tháng sau, trong chuyến thăm 5 ngày của Tổng thống Clinton tới Việt Nam, Hoa Kỳ đã đồng ý hợp tác nghiên cứu về tác hại của chất độc màu da cam/dioxin. Tuy nhiên, sau đó có rất ít sự hỗ trợ của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Quan điểm của chính quyền Hoa Kỳ còn rất khiên cưỡng. Điều đó có thể thấy rõ vào tháng 8 năm 2000, Trợ lý bộ trưởng quốc phòng Hoa Kỳ Gary Vest tới Hà Nội để tham dự cuộc họp song phương với Việt Nam nhằm bảo vệ môi trường. Cuộc họp này cũng bàn về chất độc màu da cam. Trong cuộc họp đó Gary Vest đã nói: “Điều đặc biệt cần thông cảm là chúng tôi đến đây không để bàn về việc Chính phủ Hoa

Kỳ làm sạch chất độc”. Ông ta tiếp tục giải thích rằng theo ông ta hiểu trong điều kiện quốc tế hiện nay và luật pháp Hoa Kỳ thì quân đội Hoa Kỳ chỉ có thể đảm bảo các hoạt động làm sạch chất độc tồn dư nếu như họ có một trách nhiệm rõ ràng được ghi trong một điều ước quốc tế hoặc nếu như có sự cho phép đặc biệt của Quốc hội¹⁰.

Sang nhiệm kỳ của chính quyền George W. Bush, mặc dù có sự cải thiện chung trong quan hệ song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, nhưng cách nhìn nhận của họ về chất độc màu da cam vẫn chưa thực sự tích cực. Chính quyền Hoa Kỳ vẫn còn có những nhìn nhận không khách quan về chất độc màu da cam ở Việt Nam. Vì thế, cho dù có những hợp tác nghiên cứu giữa Việt Nam và Hoa Kỳ về ảnh hưởng của chất độc màu da cam đã được tiến hành nhưng phần nhiều mới chỉ được thực hiện được ở trong lời hứa mà thôi.

Thực ra, Chính phủ Hoa Kỳ vẫn nghi ngờ sự hợp tác của Việt Nam đối với chất độc màu da cam/dioxin. Trong một thông điệp nhạy cảm nhưng không rõ ràng vào ngày 16 tháng 2 năm 2003 của Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội tới Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ cho rằng Chính phủ Việt Nam đã không sẵn sàng chấp thuận những phương pháp nhận biết khoa học quốc tế, bởi vì kết quả đó có thể không đáp ứng yêu cầu của Việt Nam trong việc mở rộng vùng môi trường bị ảnh hưởng bởi chất độc màu da cam cũng như những tác động xấu tới sức khỏe con người¹¹. Chính phủ Việt Nam yêu cầu chính quyền Hoa Kỳ cần chú ý ngăn chặn việc các quan chức Chính phủ Hoa Kỳ công bố toàn bộ những thông tin nghiên cứu. Vào tháng 3 năm

⁹ Thông tấn xã Việt Nam, *Vấn đề chất độc màu da cam và trách nhiệm của Mỹ*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, thứ Tư ngày 13/3/2002.

¹⁰ Michael F. Martin: *Nạn nhân chất độc màu da cam Việt Nam và quan hệ Việt - Mỹ*, Báo cáo của cơ quan nghiên cứu Quốc hội Mỹ, ngày 21 tháng 10 năm 2008.

¹¹ “Joint Research on Health/Environmental Effects of Agent Orange/Dioxin - An Assessment of Vietnamese Attitudes”, http://www.ffrd.org/Agent_Orange/Embassy_memo.pdf

2005, Chính phủ Hoa Kỳ đã đơn phương hoàn thành dự án nghiên cứu này¹².

Hơn nữa, chính quyền Bush chỉ miễn cưỡng cung cấp hỗ trợ trực tiếp cho những người bệnh Hoa Kỳ bị phơi nhiễm chất độc dioxin. Trong chuyến thăm Việt Nam vào tháng 4 năm 2006, chủ tịch của Hội cựu chiến binh Hoa Kỳ ông James Nicholson đã phát biểu trên tờ Du lịch Việt Nam nhằm giải thích tại sao Hoa Kỳ chỉ bồi thường cho những người cựu chiến binh người Hoa Kỳ gốc Việt phải chữa trị những bệnh liên quan tới chất độc màu da cam. Sau đó, vào tháng 6 năm 2006, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ Donald Rumsfeld đã thông báo rằng Hoa Kỳ sẽ không bồi thường cho nạn nhân chất độc màu da cam người Việt Nam, nhưng sẽ sẵn sàng cung cấp thông tin khoa học và hỗ trợ kỹ thuật nghiên cứu về những ảnh hưởng của dioxin¹³.

Chính quyền George W. Bush cho thấy chỉ sẵn sàng nỗ lực hơn nữa trong việc làm sạch chất dioxin ở Việt Nam. Chẳng hạn, trong cuộc gặp mặt của Tổng thống Bush với Thủ tướng Phan Văn Khải tháng 10 năm 2006, hai bên đã ra bản tuyên bố chung, trong đó có đoạn viết “Hoa Kỳ và Việt Nam đều nhất trí đẩy mạnh hơn nữa nỗ lực hợp tác nhằm chỉ ra khu vực môi trường bị nhiễm độc gần với nơi có chứa dioxin trước đây. Điều đó sẽ là đóng góp có giá trị cho việc tiếp tục đẩy mạnh hợp tác song phương giữa hai nước”¹⁴.

Đồng nhất với chính quyền Hoa Kỳ, Quốc hội Hoa Kỳ khóa 110 sẵn sàng chuẩn chỉ cung cấp trợ giúp cả việc làm sạch dioxin và hỗ trợ

nhân đạo cho những người Việt Nam bị phơi nhiễm dioxin. Vào tháng 5 năm 2007, Quốc hội Hoa Kỳ đồng ý để Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ sử dụng gần 3 triệu USD để làm sạch dioxin xung quanh căn cứ quân sự Đà Nẵng - nơi được dùng làm trung tâm phân phối chất độc màu da cam trong chiến tranh Việt Nam.

Từ khi quan hệ ngoại giao hai nước được nối lại (năm 1995), Chính phủ Hoa Kỳ duy trì một chính sách tương đối nhất quán về vấn đề tồn dư chất độc da cam/dioxin ở Việt Nam. Chính phủ Hoa Kỳ sẵn sàng hỗ trợ những nghiên cứu khoa học nhằm làm giảm ảnh hưởng và mức độ nguy hiểm của chất độc dioxin cũng như xác định các khu vực nguy hiểm để cung cấp tài chính và hỗ trợ kỹ thuật cho việc làm sạch chất độc tồn dư. Mặt khác, Chính phủ Hoa Kỳ liên tục nhắc lại rằng “không thấy bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào mà họ gây ra liên quan tới chất độc màu da cam”¹⁵. Cho đến giờ, Chính phủ Hoa Kỳ vẫn cho rằng không có đủ bằng chứng khoa học để chứng minh là hóa chất diệt cỏ gây tác hại lên sức khỏe của hàng triệu người Việt Nam. Vì thế, Chính phủ Hoa Kỳ tiếp tục yêu cầu những chứng cứ tin cậy của Việt Nam về dioxin có trong chất độc màu da cam và các thuốc diệt cỏ khác được rải trong chiến tranh là nguyên nhân cho những vấn đề sức khỏe, nhiều căn bệnh nguy hiểm và những khuyết tật của người Việt Nam.

Rõ ràng, trong quá khứ, chính sách của chính quyền Hoa Kỳ là từ chối trách nhiệm pháp lý đối với tất cả các trường hợp bị ảnh hưởng bởi chất độc màu da cam trong khi vẫn cung cấp những hỗ trợ về đánh giá và làm sạch chất độc da cam liên quan đến dioxin tìm thấy ở Việt

¹² Mỹ từ bỏ nghiên cứu ảnh hưởng của chất độc màu da cam với sức khỏe, *Nature*, Vol. 434, April 7, 2005, p.687.

¹³ Mỹ từ chối bồi thường nạn nhân chất độc màu da cam, Australian Broadcasting Company, June 5, 2006.

¹⁴ Tuyên bố chung giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Văn phòng Thư ký báo chí, Nhà Trắng, 17 tháng 10 năm 2006.

¹⁵ *Testimony of Deputy Assistant Secretary Scot Marciel, Bureau of East Asian & Pacific Affairs, U.S. Department of State*, Tiểu ban Châu Á, Thái Bình Dương và Môi trường toàn cầu Hạ viện Hoa Kỳ, *Our Forgotten Responsibility: What Can We Do to Help Victims of Agent Orange?*, 15 tháng 5, 2008.

Nam. Hiện nay, chính quyền của hai quốc gia đã hợp tác chặt chẽ hơn trong việc làm giảm mức độ độc hại của chất độc màu da cam/dioxin còn tồn dư trong môi trường ở Việt Nam. Tuy nhiên, điều đó vẫn chưa thể đủ cho đến khi chính quyền Hoa Kỳ phải thấy có trách nhiệm pháp lý không chỉ với môi trường mà còn cả đối với những người Việt Nam không may bị phơi nhiễm bởi chất độc nguy hiểm này. Điều này được xem là rào cản thứ hai trong quan hệ hai nước.

3. - Tôn giáo – nhân quyền

Vấn đề tôn giáo - nhân quyền là mối quan tâm lớn trong chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Điều này có thể thấy trong tuyên bố bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, Tổng thống Bill Clinton đã nói rõ mục đích của Hoa Kỳ: “Bằng việc giúp đưa Việt Nam hòa nhập cộng đồng các dân tộc, việc bình thường hoá còn phục vụ lợi ích của chúng ta trong việc phấn đấu cho một nước Việt Nam tự do và hoà bình ở châu Á ổn định và hoà bình... Chương trình này đòi hỏi phải có sự thừa nhận về các quyền con người và các quyền lao động trước khi có thể triển khai. Chúng ta bắt đầu thảo luận các vấn đề nhân quyền với Việt Nam đặc biệt là những vấn đề liên quan đến tự do tín ngưỡng... Tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng việc cuốn người Việt Nam vào mặt trận kinh tế rộng lớn của cuộc cải cách kinh tế và mặt trận rộng lớn của cải cách dân chủ sẽ giúp tôn vinh sự hy sinh của những người đã chiến đấu vì tự do ở Việt Nam”¹⁶.

Chính sách của Hoa Kỳ về vấn đề “nhân quyền” thời Tổng thống Bill Clinton đối với Việt Nam thực hiện theo cách: Tiếp tục thúc

bách đòi hỏi các vấn đề nhân quyền như vấn đề thuyền nhân, POW/MIA, tôn giáo, dân tộc, tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do chính trị, tự do kinh doanh, tự do tôn giáo, tự do lập đảng phái. Chẳng hạn, ngày 4/3/2002 trong bản Phúc trình của Bộ Ngoại giao với Quốc hội Hoa Kỳ về tình hình nhân quyền ở 190 nước trên thế giới năm 2001, Hoa Kỳ vẫn xếp Việt Nam vào nhóm những nước vi phạm nghiêm trọng nhân quyền.

Dưới thời Tổng thống G.W.Bush, ngay trong quá trình vận động bầu cử, ông Bush và Đảng Cộng hoà đã bày tỏ quan điểm ủng hộ bằng việc ký kết và thông qua Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, coi đó là cơ hội tốt để Hoa Kỳ thúc đẩy cải cách chính trị, kinh tế ở Việt Nam, là mảnh đất màu mỡ để Hoa Kỳ thực hiện chính sách “ngoại giao nhân quyền”. Khi đã trở thành tổng thống thì trong bản tuyên bố chính thức đề nghị Quốc hội Hoa Kỳ phê chuẩn Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, Tổng thống Bush khẳng định Chính phủ Hoa Kỳ sẽ tiếp tục thúc đẩy để có những cải thiện về thành tích nhân quyền và tự do tôn giáo tổng thể ở Việt Nam¹⁷. Và để bày tỏ sự ủng hộ cho tuyên bố đó, ngày 6/9/2001, đồng thời với việc thông qua Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, Hạ nghị viện Hoa Kỳ thông qua “Đạo luật nhân quyền Việt Nam”. Đạo luật này đã đưa ra những nhận định vô căn cứ, rất sai trái về tình hình nhân quyền ở Việt Nam. Tiếp theo đó là những năm 2004, 2007, 2012, 2013 Hạ viện Hoa Kỳ liên tục thông qua “dự luật nhân quyền Việt Nam”.

Đối với vấn đề dân chủ, nhân quyền, từ khi George W. Bush lên làm Tổng thống Hoa Kỳ (2001), mối quan hệ giữa hai nước tiếp tục dà

¹⁶ “Tuyên bố của Tổng thống Bill về việc bình thường hóa quan hệ với Việt Nam”, Cục tham mưu - Tổng cục I - Bộ Nội vụ, *Xung quanh việc Mỹ bình thường hóa quan hệ với Việt Nam*, Tài liệu tham khảo, số 3(11)/1995.

¹⁷ Thư viện quân đội (2002), *Mỹ sử dụng “ngoại giao nhân quyền” trong quan hệ với Việt Nam và một số giải pháp chống “ngoại giao nhân quyền”*, Tài liệu nghiên cứu phục vụ lãnh đạo, Hà Nội.

cải thiện nhưng quá trình phát triển quan hệ khó khăn hơn. Vấn đề dân chủ, nhân quyền tiếp tục là một nội dung mà Hoa Kỳ kiên trì thúc đẩy. Hoa Kỳ sử dụng nhiều biện pháp để gây sức ép với Việt Nam như: Thông qua các cuộc đối thoại song phương về nhân quyền, đưa nội dung nhân quyền vào các cuộc tiếp xúc cấp cao giữa hai nước, đòi đi thăm những cá nhân và khu vực mà Hoa Kỳ coi là “điểm nóng”, “xếp hạng” Việt Nam trong báo cáo hàng năm của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ về tình hình nhân quyền trên thế giới. Hạ viện Hoa Kỳ tổ chức nhiều buổi điều trần về tình hình nhân quyền ở Việt Nam từ đó thông qua những nghị quyết lên án Việt Nam về nhân quyền, thậm trí đưa Việt Nam vào danh sách những “quốc gia cần đặc biệt quan tâm” về vấn đề tự do tôn giáo (CPC). Ngoài ra, Hoa Kỳ cũng công khai bày tỏ sự không đồng tình với chế độ chính trị một đảng lãnh đạo đã được ghi tại Điều 4 Hiến pháp của Việt Nam¹⁸.

Hoa Kỳ tiếp tục các chính sách thúc đẩy quan hệ với Việt Nam về mọi mặt, nhưng tỏ ra quan tâm nhiều hơn tới vấn đề tôn giáo, nhân quyền. Hoa Kỳ gia tăng can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam, gia tăng hoạt động gây sức ép về dân chủ, nhân quyền. Năm 1994, Hạ viện Hoa Kỳ thông qua Nghị quyết lấy ngày 11 tháng 5 hàng năm là ngày “nhân quyền Việt Nam”. Cho đến năm 2013, Hạ viện Hoa Kỳ đã 5 lần thông qua “Dự luật nhân quyền Việt Nam” (các năm 2001, 2004, 2007, 2012, 2013). Năm 2003, Hoa Kỳ đơn phương ngưng các vòng đối thoại về nhân quyền với lý do Việt

Nam không có “tiền bộ thực chất về nhân quyền”. Trong Báo cáo Tự do Tôn giáo quốc tế năm 2004, 2005, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ xếp Việt Nam là một trong những nước “đặc biệt quan tâm về tôn giáo” (CPC).

Trước những hành động đó của Hoa Kỳ, một mặt Việt Nam chủ trương thông qua con đường ngoại giao, các kênh chính thức, các diễn đàn đa phương, qua các phương tiện thông tin đại chúng đấu tranh bác bỏ. Mặt khác, thông qua các cuộc đối thoại cũng như trao đổi giữa lãnh đạo cấp cao nhất, Việt Nam đã chỉ ra quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ có những lợi ích chung to lớn và bao trùm; Việt Nam có quyền tự hào về những thành tựu đạt được trong việc phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm ngày càng tốt hơn những quyền cơ bản nhất của con người; và chính nước Hoa Kỳ cũng còn không ít vấn đề phải đối mặt. Mặt khác, vào các thời điểm khác nhau, Việt Nam cũng đã thực hiện một loạt biện pháp mềm dẻo nhằm giải tỏa vấn đề như: giải quyết có nguyên tắc một số trường hợp mà Hoa Kỳ quan tâm xử lý việc một số đồng bào thiểu số ở Tây Nguyên vượt biên sang Campuchia (2002, 2004), xử lý tình hình đạo tin lành ở Tây Nguyên, cho phép Thích Nhất Hạnh về nước năm 2007, và tình hình Mường Nhé – Điện Biên vào năm 2011.

Bản thân Hoa Kỳ cũng phải thừa nhận kết quả phát triển và những nỗ lực phấn đấu bảo đảm thực hiện các quyền con người ngày một tốt hơn của Việt Nam. Điều này được thể hiện trong Tuyên bố chung Việt Nam - Hoa Kỳ nhân dịp Thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải thăm Hoa Kỳ tháng 6/2005: “Tổng thống và Thủ tướng đồng ý về tầm quan trọng của việc tiếp tục đối thoại thẳng thắn và cởi mở về những vấn đề cùng quan tâm, kể cả việc thực hiện các quyền con người, điều kiện cho các tín đồ và dân tộc ít người. Tổng thống hoan nghênh nỗ lực của Việt Nam và mong muốn có sự tiến

¹⁸ Điều 4 Hiến pháp năm 1992 của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

triển tiếp theo”¹⁹. Từ năm 2006 đến nay, chính quyền Hoa Kỳ đưa Việt Nam ra khỏi danh sách CPCs - các nước cần quan tâm đặc biệt về tự do tôn giáo, với nhận thức là Việt Nam “cải thiện đáng kể trong việc thúc đẩy tự do tôn giáo” và Việt Nam chưa “đạt ngưỡng” lọt vào danh sách này. Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ Jim Webb sau chuyến thăm Việt Nam năm 2009 cho rằng: Cho dù vẫn còn những quan điểm cá nhân về một vài vụ việc cụ thể, song không thể phủ nhận những tiến bộ về tự do tôn giáo tại Việt Nam, nhất là từ năm 1991 đến nay. Thứ trưởng Ngoại giao Tòa thánh Va-ti-căng trong chuyến thăm Việt Nam tháng 2/2012 đánh giá: Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực thực hiện nhất quán và không ngừng hoàn thiện chính sách tôn trọng và đảm bảo tự do tôn giáo của người dân. Ngay cả Báo cáo Tình hình tự do tôn giáo quốc tế năm 2012 của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ công bố ngày 20/5/2013, trong phần đánh giá về Việt Nam cũng ghi nhận: “Đã có những dấu hiệu cải thiện, như cấp phép đăng ký cho các giáo đoàn mới, cho phép mở rộng các hoạt động từ thiện và cho phép tổ chức các buổi lễ tôn giáo quy mô lớn với trên 100.000 người tham dự...”²⁰. Ngày 31/7/2014, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ công bố Báo cáo thường niên về tự do tôn giáo trên thế giới năm 2013 cũng khẳng định: Hiến pháp và các bộ luật, chính sách khác của Việt Nam có những quy định rõ ràng về quyền tự do tôn giáo. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ còn khẳng định là các quan chức Hoa Kỳ thường xuyên gặp gỡ và tiếp xúc với các chức sắc tôn giáo, đồng thời có các cuộc đối thoại về tự do tôn giáo với nhiều nhà lãnh đạo Việt Nam.

Khi nói về vấn đề nhân quyền trong quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ, ông Malinowski Trợ lý

Ngoại trưởng Hoa Kỳ về Dân chủ - Nhân quyền - Lao động cho rằng: “hiện giờ nhân quyền là một phần hết sức quan trọng trong mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ vì chúng tôi quan tâm đến tương lai, sự ổn định của Việt Nam, và sự an lành cho người dân Việt Nam. Tiếp tục tiến gần đến việc tuân thủ đầy đủ các quy chuẩn quốc tế về nhân quyền rõ ràng mang lại lợi ích cho Việt Nam. Sở dĩ nhân quyền là một phần trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ vì nó rất quan trọng đối với người dân và Quốc hội Hoa Kỳ. Khi hành pháp Chính phủ Hoa Kỳ yêu cầu dân chúng và Quốc hội có những bước xây dựng mối quan hệ sâu sắc và gần gũi hơn với Việt Nam trong lĩnh vực an ninh và thương mại thì nhân quyền chính là những thách thức họ nêu lên. Họ kỳ vọng nhìn thấy những tiến bộ từ phía Việt Nam. Có rất nhiều lý do, đặc biệt là trong năm nay với các cuộc thương thảo về Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), với chính sách tái cân bằng của Hoa Kỳ tại châu Á, khiến vấn đề nhân quyền của Việt Nam nằm rất cao trong nghị trình làm việc của chúng tôi”²¹.

Như vậy, ba vấn đề chúng tôi đưa ra phân tích chủ yếu nằm ở sự khác biệt về nhận thức trong cách thức giải quyết vì con người nhằm mục đích mang lại nhiều lợi ích hơn cho con người. Trong quá trình hợp tác giải quyết các vấn đề này, những khác biệt ngày càng thu hẹp nhưng vẫn còn đủ lớn để cản trở sự phát triển lợi ích chung của hai dân tộc. Từ vấn đề cơ bản là xoa dịu nỗi đau bị mất hài cốt của người thân trong chiến tranh thì đối với Việt Nam thuần túy là vấn đề nhân đạo, trong khi đó, đối với Hoa Kỳ đó là vấn đề chính trị; trong việc khắc phục hậu quả tồn dư của chất độc màu da cam tác động lên con người thì theo phía Việt Nam đó là vấn đề pháp lý của chính quyền đối với con người và môi trường, còn Hoa Kỳ lại xem đó chỉ là trách nhiệm của cộng đồng trong giảm

¹⁹ Tuyên bố chung giữa hợp chủng quốc Hoa Kỳ và Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Báo Nhân dân, ngày 22/6/2005.

²⁰ U.S. Department of State, *International Religious Freedom Report for 2013 Vietnam*, <http://www.state.gov/j/drl/rls/irf/religiousfreedom/index.htm?year=2013&dliid=222181#wrapper>

²¹ <http://www.fvpoc.org/2014/06/03/my-nhan-quyen-viet-nam-nam-rat-cao-trong-nghi-trinh-nam-nay/>

tải tác động có hại đối với môi trường và con người; cuối cùng là cách thức giải quyết vấn đề nhân quyền, thực chất là vì quyền con người, cho con người trong điều kiện hiện tại với nhận thức chưa hoàn toàn giống nhau. Ba vấn đề này

tuy không phải là mới mẻ nhưng chắc chắn nếu không giải quyết tốt thì nó vẫn còn là yếu tố cản trở cho sự phát triển ngày càng toàn diện và sâu sắc hơn trong quan hệ của hai nước không chỉ 20 năm qua mà sẽ còn nhiều năm sau♦

Tài liệu tham khảo:

1. Điều 4 Hiến pháp năm 1992 của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam:
 - a. Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.
 - b. Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.
2. *Joint Research on Health/Environmental Effects of Agent Orange/Dioxin - An Assessment of Vietnamese Attitudes*, http://www.ffrd.org/Agent_Orange/Embassy_memo.pdf
3. *Mỹ từ bỏ nghiên cứu ảnh hưởng của chất độc màu da cam với sức khỏe*, Nature, Vol. 434, April 7, 2005, p.687.
4. *Mỹ từ chối bồi thường nạn nhân chất độc màu da cam*, Australian Broadcasting Company, June 5, 2006.
5. *Statement on Signing the Agent Orange Act of 1991*, 6/2/1991, Đưa trên trang web bởi Dự án Tổng thống Hoa Kỳ, [<http://www.presidency.ucsb.edu/index.php>]
6. *Testimony of Deputy Assistant Secretary Scot Marciel, Bureau of East Asian & Pacific Affairs, U.S. Department of State*, Tiểu ban Châu Á, Thái Bình Dương và Môi trường toàn cầu Hạ viện Hoa Kỳ, *Our Forgotten Responsibility: What Can We Do to Help Victims of Agent Arange?*, 15 tháng 5, 2008.
7. *Tuyên bố chung giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ*, Văn phòng Thư ký báo chí, Nhà Trắng, 17 tháng 10 năm 2006.
8. *Tuyên bố của Tổng thống Bill về việc bình thường hóa quan hệ với Việt Nam*, Cục tham mưu - Tổng cục I - Bộ Nội vụ, *Xung quanh việc Mỹ bình thường hóa quan hệ với Việt Nam*, Tài liệu tham khảo, số 3(11)/1995.
9. Báo điện tử Vietnamnet, <http://www.vietnamnet.vn>, Đại tướng Phạm Văn Trà và chuyến thăm Mỹ lịch sử.
10. Hoàng Anh (2005): *Những bức thư biết nói*, Tạp chí Việt - Mỹ xuân Ất Dậu. tr. 9.

11. <http://www.fvpoc.org/2014/06/03/my-nhan-quyen-viet-nam-nam-rat-cao-trong-nghi-trinh-nam-nay>.
12. <http://www.vov.vn/xa-hoi/ky-niem-25-nam-vietmy-cung-tim-kiem-nguoi-my-mat-tich-mia-282431.vov>
13. Mark E. Manyin (2008), *U.S. - Vietnam Relation: Background and Issues for Congress*, Prepared for Members and Committees of Congress. P.23.
14. Michael F.Martin (2008): *Nạn nhân chất độc màu da cam Việt Nam và quan hệ Việt - Mỹ*, Báo cáo của cơ quan nghiên cứu Quốc hội Mỹ, ngày 21 tháng 10.
15. Năm 1995 thương mại hai nước đạt 451,3 triệu USD, đến năm 2014 lên đến 36,308 tỷ USD có nghĩa là gấp hơn 80 lần sau 20 năm bình thường hóa quan hệ.
<http://www.census.gov/foreign-trade/balance/c5520.html>.
16. Thông tấn xã Việt Nam (1998), *Vấn đề MIA với chính sách của Mỹ ở Việt Nam*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 3 tháng 1, tr 1-3.
17. Thông tấn xã Việt Nam, *Vấn đề chất độc màu da cam và trách nhiệm của Mỹ*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, thứ Tư ngày 13/3/2002.
18. Thư viện quân đội (2002), *Mỹ sử dụng “ngoại giao nhân quyền” trong quan hệ với Việt Nam và một số giải pháp chống “ngoại giao nhân quyền”*, Tài liệu nghiên cứu phục vụ lãnh đạo, Hà Nội.
19. Từ năm 1991 đến nay, JPAC đã tổ chức 113 lễ hội hương hài cốt quân nhân Mỹ ở Việt Nam.
Tuyên bố chung giữa hợp chủng quốc Hoa Kỳ và Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Báo Nhân dân, ngày 22/6/2005.
20. U.S. Department of State, *International Religious Freedom Report for 2013 Vietnam*, <http://www.state.gov/j/drl/rls/irf/religiousfreedom/index.htm?year=2013&dliid=222181#wrapper>.